

Questions 27-30: Dạng MCQ

Cách làm:

- Đọc câu hỏi, so sánh với bài đọc để xác định vị trí đoạn thông tin
- Đọc 4 lựa chọn: thực ra đây là 4 câu T/F/NG, với chỉ 1 câu TRUE, 3 câu còn lại là FALSE/NOT GIVEN (làm cả 4 câu nhưng chỉ tính điểm mỗi câu TRUE). Để chắc chắn thì kể cả đã tìm được phương án TRUE rồi, cũng nên kiểm tra lại 3 phương án kia xem có thật chúng là FALSE/NOT GIVEN không.

27 The first paragraph tells us about

B, the extent to which AI will alter the nature of the work that people do.

Tất cả thông tin đều có ở cả câu hỏi và bài đọc

=> đáp án đúng là **B**

Đoạn A:

[...] 3-14% of the global workforce will need to switch to a different occupation[...] as their occupations evolve alongside increasingly capable machines [...]

A, the kinds of jobs that will be most affected by the growth of AI

Thông tin về sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (the growth of AI) và ảnh hưởng của nó lên công ăn việc làm đều có ở trong cả bài đọc và câu hỏi, tuy nhiên không có thông tin về các ngành nghề cụ thể nào sẽ bị ảnh hưởng **nhều nhất**

=> đáp án A là **NOT GIVEN**

Đoạn A:

[...] 3-14% of the global workforce will need to switch to a different occupation...as their occupations evolve alongside increasingly capable machines. Automation - or 'embodied artificial intelligence' (AI) - is one aspect of the disruptive effects of technology on the labour market. 'Disembodied AI', like the algorithms running in our smartphones, is another.

C, the proportion of the world's labour force who will have jobs in AI in the future

Các thông tin trong câu hỏi đều tương ứng với trong bài đọc, chỉ có thông tin **have jobs in AI** (có việc làm trong ngành trí tuệ nhân tạo) là không có trong bài đọc

=> đáp án C là **NOT GIVEN**

Đoạn A:

[...]3-14% of the global workforce will need to switch to a different occupation[...]

D, the difference between ways that embodied and disembodied AI will impact on workers

Tất cả thông tin trong câu hỏi đều tương ứng với bài đọc, chỉ có thông tin **the difference** (sự khác nhau giữa 2 loại AI) là không có trong bài đọc

Đoạn A:

Automation - or 'embodied artificial intelligence (AI) - is one aspect of the disruptive effects of technology on the labour market. 'Disembodied AI', like the algorithms running in our smartphones, is another.

=> đáp án D là **NOT GIVEN**

28 According to the second paragraph, what is Stella Pachidi's view of the 'knowledge economy'?

D, It is **a key factor driving current developments in the workplace**

Các thông tin đều có ở cả câu hỏi và bài đọc

=> đáp án đúng là **D**

Đoạn 2:

[...] some of the **most fundamental changes** are happening **as a result of the** 'algorithmication' of jobs that are dependent on data rather than on production - the so-called knowledge economy.

A, It is **having an influence on the number of jobs available**

Thông tin trong câu hỏi nhắc tới **number of jobs available** (số lượng công việc có thể cung cấp cho người lao động).

Nếu nhìn vào phần undertake tasks that previously needed human judgement thì một số bạn có thể nghĩ là "AI chiếm mất việc của con người => làm giảm cơ hội việc làm của con người", nhưng như phần cuối bài (đoạn 10) giải thích, việc AI làm nhiều việc hơn không có nghĩa là cơ hội việc làm của con người sẽ bị ảnh hưởng.

=> đáp án A là **FALSE**

Đoạn 2:

[...] some of the most fundamental **changes are happening as a result of** the 'algorithmication' of jobs that are dependent on data rather than on production - the so-called **knowledge economy**. Algorithms are capable of learning from data to undertake tasks that previously needed human judgement, such as reading legal contracts, analysing medical scans and gathering market intelligence.

B, It is changing people's attitudes towards their occupations

Không có thông tin nào trong đoạn 2 liên quan tới sự thay đổi trong thái độ của con người về nghề nghiệp của họ.

Một số bạn không hiểu ý cả đoạn, chỉ nhìn thấy **human judgement** sẽ có thể nhầm nó với **people's attitudes towards** và chọn nhầm câu này.

=> đáp án B là **NOT GIVEN**

Algorithms are capable of learning from data to undertake tasks that previously needed human judgement, such as reading legal contracts, analysing medical scans and gathering market intelligence.

C, It is **the main reason** why the **production sector** is **declining**

Câu hỏi và bài đọc có thông tin về **production sector** nhưng hai thông tin về **the main reason** và **declining** không có trong bài đọc.

The main reason có thể bị nhầm với **most fundamental** trong bài đọc

Declining có thể bị nhầm với data rather than on

Đoạn 2:

Dr Stella Pachidi from Cambridge Judge Business School believes that some of the **most fundamental** changes are happening as a result of the 'algorithmication' of jobs that are dependent on data rather than on **production** - the so-called knowledge economy.

production
=> đáp án C là **NOT GIVEN**

29 What did Pachidi observe at the telecommunications company?

C, staff making sure that AI produces the results that they want
Tất cả thông tin đều được nhắc tới cả trong câu hỏi và bài đọc
=> đáp án đúng là **C**

Đoạn 7:
Pachidi and colleagues even observed people developing strategies to make the algorithm work to their own advantage. 'We are seeing cases where workers feed the algorithm with false data to reach their targets,'

A, staff disagreeing with the recommendations of AI
Thông tin về staff và recommendations of AI đều có trong câu hỏi và bài đọc, nhưng thông tin về disagreeing with (các nhân viên không đồng ý với các hướng dẫn của AI) ngược với thông tin trong bài đọc: họ không những không phản đối, mà còn trở nên phụ thuộc - dựa dẫm vào những hướng dẫn đó.
=> đáp án A là **FALSE**

Đoạn 6:
[...] Pachidi believes, a short-sighted view begins to creep into working practices whereby workers learn through the 'algorithm's eyes' and become dependent on its instructions.

B, staff feeling resentful about the intrusion of AI in their work
Không có thông tin nào nói về thái độ căm phẫn của những người nhân viên về sự xâm nhập của trí tuệ nhân tạo vào công việc của họ
=> đáp án B là **NOT GIVEN**

D, staff allowing AI to carry out tasks they ought to do themselves
Không có thông tin nào nói về việc nhân viên để cho trí tuệ nhân tạo thực hiện những nhiệm vụ mà đáng lẽ họ nên làm. Một số bạn có thể nhầm việc này - "nhân viên cho phép AI làm hộ mình" với điều được ghi trong bài đọc: Nhân viên phụ thuộc vào gợi ý của AI chứ không tự nghĩ nữa. AI vẫn chỉ đóng vai trò gợi ý, chứ không làm thay con người.
=> đáp án D là **NOT GIVEN**

Đoạn 8:
[...] workers learn through the 'algorithm's eyes' and become dependent on its instructions. Alternative explorations - where experimentation and human instinct lead to progress and new ideas - are effectively discouraged.

D, illustrates how changes in the job market can be successfully handled

Tất cả thông tin đều được nhắc tới cả trong câu hỏi và bài đọc

=> đáp án đúng là **D**

Đoạn 12 + 13:

'History is clear that change can mean redundancies. But social policies can tackle this through retraining and redeployment.' [...] I'd like to see governments seizing the opportunity to improve policy to enforce good job security. We can "reprogramme" the law to prepare for a fairer future of work and leisure.'

A, challenges the idea that redundancy is a negative thing

Thông tin về sự dư thừa, và việc "phản đối lại ý kiến" có ở cả trong câu hỏi và bài đọc, nhưng ý kiến đó là gì thì câu hỏi và bài đọc không khớp nhau:

Ở câu hỏi: redundancy (thất nghiệp vì thiếu việc) là một việc xấu.

Ở bài đọc: AI và tự động hóa sẽ gây thất nghiệp.

=> đáp án A là **NOT GIVEN**

Đoạn 12:

' His recently published research answers the question of whether automation, AI and robotics will mean a 'jobless future' by looking at the causes of unemployment. 'History is clear that change can mean redundancies. But social policies can tackle this through retraining and redeployment.'

His recently published research answers the question of [...] History is clear that change can mean redundancies.

B, shows the profound effect of mass unemployment on society

Thông tin về tình trạng thất nghiệp (unemployment) có ở cả trong câu hỏi và bài đọc, nhưng thông tin về ảnh hưởng của tình trạng thất nghiệp lên xã hội không có trong bài đọc

=> đáp án B là **NOT GIVEN**

Đoạn 12:

His recently published research answers the question of whether automation, AI and robotics will mean a 'jobless future' by looking at the causes of unemployment.

C, highlights some differences between past and future job losses

Thông tin về một tương lai không có việc làm có ở cả trong câu hỏi và bài đọc, nhưng thông tin về sự khác biệt giữa tình trạng mất việc làm trong quá khứ và tương lai không được nhắc tới trong bài đọc

=> đáp án C là **NOT GIVEN**

Đoạn 12:

His recently published research answers the question of whether automation, AI and robotics will mean a 'jobless future' by looking at the causes of unemployment.

Cách làm:

- Xác định thông tin đoạn summary nằm ở đoạn nào trong bài nhờ vào các key words trong đoạn summary
- Xác định nhanh từ loại của vị trí cần điền và đoán ý nghĩa của vị trí đó
- Tìm thông tin cụ thể trong đoạn văn và điền vào chỗ trống

31 Stella Pachidi of Cambridge Judge Business School has been focusing on the 'algorithmic' of jobs which rely not on production but on _____.

Từ loại cần điền là danh từ (dấu hiệu nhận biết: đứng sau giới từ *on*; mang nghĩa rằng một cái gì đó được dựa trên).

Bà Stella Pachidi của trường Cambridge Judge Business School nghiên cứu về "thuật toán" của những ngành nghề dựa vào **dữ liệu** chứ không phải dựa vào năng suất

=> đáp án là **G information (synonym của data)**

Đoạn 2:

Dr Stella Pachidi from Cambridge Judge Business School believes that some of the most fundamental changes are happening as a result of the 'algorithmic' of jobs that are dependent on data rather than on production [...]

32 While monitoring a telecommunications company, Pachidi observed a growing _____ on the recommendations made by AI, as workers begin to learn through the 'algorithm's eyes'.

Từ loại cần điền là danh từ (dấu hiệu nhận biết: sau mạo từ *a* và tính từ *growing*; mang nghĩa một cái gì đó tăng cao)

Trong quá trình quản lí một công ty viễn thông, Pachidi nhận thấy một **sự phụ thuộc** tăng cao vào những đề xuất của trí tuệ nhân tạo, bởi những người lao động bắt đầu học qua 'algorithm's eyes'

=> đáp án là **E reliance (cách diễn đạt tương tự với tính từ dependent)**

Đoạn 5+6:

For over two years, Pachidi monitored a telecommunications company. [...]

[...] In cases like this, Pachidi believes, a short-sighted view begins to creep into working practices whereby workers learn through the 'algorithm's eyes' and become dependent on its instructions.

33 Meanwhile, staff are deterred from experimenting and using their own _____, and are therefore prevented from achieving innovation.

Từ loại cần điền là danh từ (dấu hiệu nhận biết: đứng sau tính từ sở hữu *their*; mang ý nghĩa là cái gì đó của họ)

Trong khi đó, nhân viên bị ngăn cản khỏi việc thí nghiệm và sử dụng **bản năng** của họ, và do đó bị cản trở khỏi việc đạt được sự đổi mới

Đoạn 6:

Alternative explorations - where experimentation and human instinct lead to progress and new ideas - are effectively discouraged.

=> đáp án là **C intuition (synonym của instinct)**

34 To avoid the kind of situations which Pachidi observed, researchers are trying to make AI's decision-making process easier to comprehend, and to increase users' _____ with regard to the technology.

Từ loại cần điền là danh từ (dấu hiệu nhận biết: đứng sau sở hữu cách; ý nghĩa: cái gì đó của người dùng)

Để tránh tình huống mà Pachidi quan sát được, những nhà nghiên cứu đang cố gắng làm cho quá trình đưa ra quyết định của trí tuệ nhân tạo dễ hiểu hơn, và tăng **độ tin cậy** của người dùng với công nghệ

=> đáp án là **F confidence (synonym của trustworthy)**

Đoạn 8:

It's scenarios like these that many researchers are working to avoid. Their objective is to make AI technologies more trustworthy and transparent, so that organisations and individuals understand how AI decisions are made.

Questions 35-40: dạng Matching Features

Cách làm:

- Đọc các đáp án và tìm các tên riêng trong bài
- Xác định những tên riêng này (người/công ty/sự kiện...) có những đặc điểm gì (nói gì, thực hiện hành động gì, xảy ra như thế nào...)
- Đọc câu hỏi và kết nối các thông tin tương ứng với bài

35 Greater levels of automation will not result in lower employment.

Tất cả thông tin đều có trong câu hỏi và bài đọc, đi kèm với tên riêng *Hamish Low*

=> đáp án là **B**

Đoạn 10:

On the subject of job losses, Low believes the predictions are founded on a fallacy: [...] If in 30 years, half of 100 jobs are being carried out by robots, that doesn't mean we are left with just 50 jobs for humans. The number of jobs will increase [...]

36 There are several reasons why AI is appealing to businesses.

Tất cả thông tin đều có trong câu hỏi và bài đọc, đi kèm với tên riêng *Stella Pachidi*

=> đáp án là **A**

Đoạn 3:

'In many cases, they can outperform humans,' says Pachidi. 'Organisations are attracted to using algorithms because they want to make choices based on what they consider is "perfect information", as well as to reduce costs and enhance productivity.'

37 AI's potential to transform people's lives has parallels with major cultural shifts which occurred in previous eras.

Đoạn 14:

'The promises of these new technologies are astounding.'

Tất cả thông tin đều có trong câu hỏi và bài đọc, danh từ *he* ở đây ám chỉ Ewan McGaughey
=> đáp án là **C**

38 It is important to be aware of the range of problems that AI causes.
Tất cả thông tin đều có trong câu hỏi và bài đọc, kèm theo tên riêng *Stella Pachidi*
=> đáp án là **A**

39 People are going to follow a less conventional career path than in the past.
Tất cả thông tin đều có trong câu hỏi và bài đọc, kèm theo tên riêng *Hamish Low*
=> đáp án là **B**

40 Authorities should take measures to ensure that there will be adequately paid work for everyone.
Tất cả thông tin đều có trong câu hỏi và bài đọc, kèm theo tên riêng *Ewan McGaughey*
=> đáp án là **C**

They deliver humankind the capacity to live in a way that nobody could have once imagined,' he adds. 'Just as the industrial revolution brought people past subsistence agriculture, and the corporate revolution enabled mass production, [...]

Đoạn 8:
In the meantime, says Pachidi, 'We need to make sure we fully understand the dilemmas that this new world raises regarding expertise, occupational boundaries and control.'

Đoạn 9:
Economist Professor Hamish Low believes that the future of work will involve major transitions across the whole life course for everyone: 'The traditional trajectory of full-time education followed by full-time work followed by a pensioned retirement is a thing of the past,' says Low.

Đoạn 13:
McGaughey's findings are a call to arms to leaders of organisations, governments and banks to pre-empt the coming changes with bold new policies that guarantee full employment, fair incomes and a thriving economic democracy.